

Bản án số: **23/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 26/6/2020

V/v “*Tranh chấp về ly hôn
và nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần NhưỢt
2. Bà Phan Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Danh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị V, sinh năm 1995. *Có mặt*

- Bị đơn: Anh Phạm Chí T, sinh năm 1991. *Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Thôn XH, xã PN, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn: *Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2020, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Võ Thị V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện kết hôn vào ngày 26/01/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PN, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống; chị và anh T thường xuyên cãi vã nhau, anh T có hành vi đánh đập chị. Chị V và anh T đã sống ly thân hơn 01 năm, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị V thấy T cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân trở nên trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa.

Do vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Chí T.

Về con chung: Có một con chung tên là Phạm Chí Th, sinh ngày 28/7/2015. Hiện nay cháu Th đang ở với anh T cùng gia đình anh nên sau khi ly hôn, chị V sẽ giao con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn: Vào ngày 29/5/2020 Tòa án có nhận được đơn trình bày của bị đơn anh Phạm Chí T. Trong đơn anh Phạm Chí T có trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Võ Thị V tự nguyện kết hôn vào ngày 26/01/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PN, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Anh T và chị V đã chung sống với nhau, đến năm 2019 do mâu thuẫn vợ chồng với nhau nên hai bên sống ly thân được một thời gian gần 01 năm. Nay Chi V làm đơn xin ly hôn, anh T đồng ý với nguyện vọng của chị V.

Về con chung: Anh T và chị V có một con chung tên là Phạm Chí Th, sinh ngày 28/7/2015. Từ khi anh T và chị V sống ly thân, cháu Th sống cùng với anh T và gia đình anh T. Cháu Th hiện đang đi học tại Trường mẫu giáo thôn XH, xã PN, huyện Nông Sơn. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không có mặt tại các phiên hòa giải là vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa là đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa chị V và anh T. Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Chí Th, sinh ngày 28/7/2015. Chị V và

anh T đều thống nhất để anh T tiếp tục nuôi con, chị V không phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó cần công nhận sự thỏa thuận của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Phạm Chí T đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Võ Thị V có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Phạm Chí T. Nay, chị V khởi kiện xin ly hôn với anh T nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp về ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị V và anh Phạm Chí T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã PN, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2016 ngày 26 tháng 01 năm 2016. Quá trình giải quyết vụ án, chị V cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, chị V và anh T thường xuyên cãi vã nhau, anh T có hành vi đánh đập chị V bị thương nhẹ. Chị V và anh T đã sống ly thân hơn 01 năm, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị V thấy T cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh Phạm Chí T. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đã có đơn trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án, anh T và chị V đã sống ly thân được một thời gian lâu. Chị V làm đơn ly hôn anh T, anh T đồng ý ly hôn với chị Võ Thị V.

Tòa án tiến hành xác minh T trạng hôn nhân và gia đình của vợ chồng V và T tại địa phương, bà Tào Thị Tố T, Chủ tịch Hội phụ nữ xã PN cho biết: Sau khi kết hôn và cưới nhau, vợ chồng anh Tinh và chị V đi nơi khác để làm ăn, sinh sống cho nên địa phương không biết mâu thuẫn giữa hai vợ chồng; chỉ biết con của anh T, chị V đang ở với gia đình anh T và đi học ở địa phương.

Tại phiên tòa, chị V cho rằng T cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị vẫn cương quyết xin ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị V, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Từ khi anh T và chị V sống ly thân, cháu Th sống cùng với anh T và gia đình anh, cháu Th hiện đang đi học tại Trường mẫu giáo thôn XH, xã PN, huyện Nông Sơn. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy nguyện vọng của hai bên xác đáng nên cần chấp nhận yêu cầu của chị V và anh T.

Về con chung: Hiện cháu đang ở với gia đình anh T nên giao cháu Nguyễn Chí Thcho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, chị V và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị V được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở phù hợp với Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Võ Thị V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị V về việc "*Tranh chấp về ly hôn và giải quyết con chung*".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị V và anh Phạm Chí T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Chí Th, sinh ngày 28/7/2015 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Võ Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Võ Thị V phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị V đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012307 ngày 14/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Nông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nông Sơn;
- UBND xã PN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Tam